

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 242/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Minh D, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 391/19AB Huỳnh T, khu phố 2, phường Đ, Quận B, Thành phố H.

- Bà Thái Thị Ngọc Y, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 391/19AB Huỳnh T, khu phố 2, phường Đ, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận T, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 065, quyển số KH/N91 ngày 21/11/1991. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không

có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y xác nhận trong quá trình chung sống có 02 (hai) con chung tên Lê Thái M (nam), sinh ngày 06/10/1992 và Lê Duy T (nam), sinh ngày 06/9/1997, cả hai đều đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 065, quyển số KH/N91 do Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận T, Thành phố H cấp ngày 21 tháng 11 năm 1991).

- Về con chung: Ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y có 02 (hai) con chung tên Lê Thái M (nam), sinh ngày 06/10/1992 và Lê Duy T (nam), sinh ngày 06/9/1997, cả hai đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh D và bà Thái Thị Ngọc Y phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0042577 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H, ông D và bà Y đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014). 3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận 4, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thư ký T).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân